

Số: 824/QĐ - CĐSP

Điện Biên, ngày 06 tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành kế hoạch, chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng
ngành Giáo dục Mầm non Khóa học 2022-2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CĐSP ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Quyết định số 246/QĐ/TC ngày 22/7/1963 của Ủy ban Hành chính tỉnh Lai Châu về việc thành lập trường sư phạm Lai Châu; Quyết định số 5520/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 13/12/2000 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc nâng cấp Trường Trung học Sư phạm Lai châu thành trường Cao đẳng Sư phạm Lai châu (nay là trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên);

Căn cứ Điều 11, Mục 2, Chương II Điều lệ trường Cao đẳng ban hành kèm theo thông tư số 01/2015/TT-BGDĐT ngày 15/01/2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về quyền hạn và trách nhiệm của Hiệu trưởng;

Căn cứ Thông tư số 29/2018/TT-BGDĐT ngày 24/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên; quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Thông tư số 24/2019/TT-BGDĐT ngày 26/12/2019 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Quy chế đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng nghiệm thu Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Xét đề nghị của trưởng phòng đào tạo - NCKH.

QUYẾT ĐỊNH:

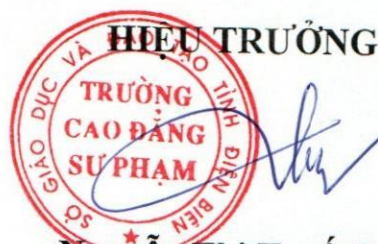
Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch, Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non.

Điều 2. Kế hoạch, chương trình đào tạo ngành Giáo dục mầm non trên thực hiện trong khóa học 2022- 2025.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng các đơn vị trực thuộc căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như điều 3 (HSCV);
- Tổ trưởng các tổ bộ môn;
- Lưu: VT, ĐT.



Nguyễn Thị Tuyết Mai

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành Giáo dục Mầm non trình độ đào tạo cao đẳng Khóa học 2022 - 2025

*(Ban hành theo Quyết định số: 824/QĐ-CĐSP ngày 06 tháng 10 năm 2022
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Sư phạm Điện Biên)*

I. Tên chương trình đào tạo: Giáo dục Mầm non

II. Trình độ đào tạo: Cao đẳng

III. Đối tượng đào tạo: Học sinh đã tốt nghiệp chương trình THPT hoặc đã tốt nghiệp chương trình trung cấp phải trúng tuyển trong kỳ tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định hàng năm.

IV. Yêu cầu về chuẩn đầu ra

1. Yêu cầu chung

Có tinh thần yêu nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng; nghiêm túc thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước; có trách nhiệm đối với sự nghiệp giáo dục và ý thức trách nhiệm công dân đối với các vấn đề xã hội, tích cực tham gia phát triển cộng đồng.

Có phẩm chất đạo đức tốt; có tác phong sư phạm chuẩn mực, trung thực trong nghề nghiệp và cuộc sống; có lối sống lành mạnh, văn minh, tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, chuẩn mực trong quan hệ với đồng nghiệp và người học;

Có kiến thức lý luận chính trị và giáo dục quốc phòng - an ninh theo quy định hiện hành; có năng lực ngoại ngữ và công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện hoạt động giảng dạy, giáo dục, nghiên cứu và học tập, bồi dưỡng phát triển chuyên môn nghiệp vụ.

2. Kiến thức

Có kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội và pháp luật đáp ứng yêu cầu công việc giảng dạy, giáo dục và hoạt động xã hội thuộc lĩnh vực GDMN.

Có kiến thức thực tế và lý thuyết chuyên sâu về phương pháp chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non. Hiểu biết về mục tiêu, nội dung, chương trình giáo dục mầm non, phương pháp tổ chức, đánh giá các hoạt động giáo dục và sự phát triển của trẻ ở các cơ sở giáo dục. Có kiến thức về xử lý các tình huống sư phạm trong và ngoài lớp phù hợp với tâm sinh lý trẻ em lứa tuổi mầm non.

Có kiến thức thực tế về quản lý, nguyên tắc và phương pháp lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và giám sát, đánh giá các quá trình trong giảng dạy, giáo dục; thường xuyên bồi dưỡng, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ và có khả năng tiếp tục học tập ở trình độ cao hơn.

3. Kỹ năng

Có kỹ năng giao tiếp với trẻ, gia đình trẻ, đồng nghiệp và cộng đồng.

Quan sát, tìm hiểu và đánh giá mức độ phát triển của trẻ. Lập kế hoạch chăm sóc giáo dục trẻ phù hợp với yêu cầu từng độ tuổi và điều kiện thực tế. Tổ chức, thực hiện

các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ.

Thiết kế và tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ theo hướng tích hợp, phát huy tính tích cực, sáng tạo của trẻ. Thiết kế, tổ chức, đánh giá các hoạt động vui chơi cho trẻ. Sử dụng đồ dùng dạy học có hiệu quả.

Có khả năng khai thác thông tin phục vụ quá trình dạy học; khả năng làm việc theo nhóm; tự học, tự bồi dưỡng; kỹ năng tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với đặc điểm tâm lý lứa tuổi và điều kiện thực tiễn của địa phương.

4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chủ động trong giải quyết vấn đề thực tiễn nghề nghiệp và thích ứng với sự thay đổi của môi trường làm việc; hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ được giao; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm; đánh giá chất lượng hoạt động giảng dạy, giáo dục sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện nhiệm vụ của các thành viên trong nhóm.

5. Khung kiến thức, kỹ năng

5.1. Khung kiến thức

TT	Mã HP	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết		
				Tổng số	Lý thuyết	TH, TL, BT
1. KHỎI KIẾN THỨC CHUNG						
Các môn học bắt buộc			21	375	253	122
1	CT.13	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1	2	30	27	3
2	CT.70	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 2	3	45	40	5
3	CT.08	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	3
4	CT.01	Đường lối cách mạng Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	27	3
5	CT.04	Pháp luật đại cương	2	30	27	3
6	TA.56	Tiếng Anh 1	3	60	30	30
7	TA.57	Tiếng Anh 2	3	60	30	30
8	TC.01	Giáo dục thể chất 1		30		30
9	TC.02	Giáo dục thể chất 2		30		30
10	TC.03	Giáo dục thể chất 3		30		30
11	QPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh		165	77	88
12	TI.50	Tin học	2	60	15	45
13	CT.06	Quản lý Hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	30	30	
2. KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP						
2. 1. Kiến thức cơ sở						

Các học phần bắt buộc			16	322	143	179
TL.11	TL.11	Tâm lý học đại cương	2	30	25	5
TL.20	TL.20	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non	3	60	30	30
MN.20	MN.20	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non	3	45	40	5
MN.07	MN.07	Mỹ thuật	2	60		60
AN.05	AN.05	Âm nhạc và múa	2	52	7	45
MN.08	MN.08	Nghề giáo viên mầm non	2	30	26	4
NV.24	NV.24	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	30
Các học phần tự chọn (1/2 học phần)			2	30	30	
21	TO.18	PP nghiên cứu khoa học	2	30	30	
22	SI.22	Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non	2	30	30	
2. 2. Kiến thức ngành						
Các học phần bắt buộc			17	360	197	163
23	MN.21	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	45	23	22
24	MN.19	Quản lý trong GDMN	2	30	30	
25	MN.26	Vệ sinh - Dinh dưỡng	2	45	23	22
26	MN.10	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	45	23	22
27	TI.44	Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục mầm non	2	60	15	45
28	MN.101	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	60	30	30
29	MN.02	Đánh giá trong GDMN	2	30	30	
30	MN.25	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	45	23	22
Các học phần tự chọn (2/3 học phần)			4	60	60	
31	TL.30	Giao tiếp sư phạm mầm non	2	30	30	
32	MN.03	Giáo dục gia đình	2	30	30	
33	MN.04	Giáo dục hòa nhập	2	30	30	
3. Kiến thức nghiệp vụ sư phạm						
Các học phần bắt buộc			27	1110	120	990
34	MN.14	Phương pháp làm quen với văn học	2	60	15	45
35	MN.24	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	60	15	45
36	MN.23	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	60	15	45

37	MN.22	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	60	15	45
38	MN.15	Phương pháp phát triển ngôn ngữ	2	60	15	45
39	MN.13	Phương pháp làm quen với toán	2	60	15	45
40	MN.12	Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2	60	15	45
41	MN.17	Phương pháp giáo dục thể chất	2	60	15	45
42	MN.06	Kiến tập Sư phạm (2 tuần)	2	90		90
43	MC.11	Thực tập sư phạm (6 tuần)	4	240		240
44	MC.12	Thực tập cuối khóa (8 tuần)	5	300		300
Các học phần tự chọn (2/4 học phần)			6	135	45	90
45	TA.62	Tiếng Anh cho trẻ mầm non	3	60	30	30
46	QV.50	Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc	3	75	15	60
47	MT.33	Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ	3	75	15	60
48	NV.43	PP tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS	3	60	30	30
4. Thi tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp			9			
Tổng toàn khóa (Chưa kể GDTC và GDQPAN)			102	2392	848	1544

5.2. Kế hoạch dạy học

Học kì	TT	Tên học phần	Tín chỉ	Số tiết		
				Tổng	Lý thuyết	TH, TL, BT
I	1	Giáo dục thể chất 1		30		30
	2	Tiếng Anh 1	3	60	30	30
	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	30	27	3
	4	Tâm lý học đại cương	2	30	25	5
	5	Pháp luật đại cương	2	30	27	3
	6	Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành	2	30	30	
	7	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi Mầm non	2	45	23	22
	8	Tin học	2	60	15	45
	9	Nghề giáo viên mầm non	2	30	26	4
		Tổng số:	17	315	203	112

II	1	Giáo dục thể chất 2		30		30
	2	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn	2	45	23	22
	3	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	45	40	5
	4	Tiếng Anh 2	3	60	30	30
	5	Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi Mầm non	3	45	40	5
	6	Kiến tập Sư phạm (2 tuần)	2	90		90
	7	Giáo dục quốc phòng an ninh (4 tuần)		165		
		Tổng số:	13	285	133	152
III	1	Giáo dục thể chất 3		30		30
	2	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	2	30	27	3
	3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	27	3
	4	Mỹ thuật	2	60		60
	5	HP tự chọn phần kiến thức ngành (1)	2	30	30	
	6	HP tự chọn phần kiến thức ngành (2)	2	30	30	
	7	PP phát triển ngôn ngữ	2	60	15	45
	8	PP làm quen với toán	2	60	15	45
	9	Âm nhạc và múa	2	52	7	45
		Tổng số:	16	352	151	201
IV	1	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	60	15	45
	2	Giáo dục học và Giáo dục học mầm non	3	60	30	30
	3	PP làm quen với văn học	2	60	15	45
	4	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	60	15	45
	5	HP tự chọn phần kiến thức nghiệp vụ sư phạm (1)	3	60	30	30
	6	Thực tập Sư phạm (6 tuần)	4	240		240
		Tổng số:	16	540	105	435
V	1	HP tự chọn phần kiến thức cơ sở	2	30	30	
	2	Ứng dụng CNTT trong giáo dục mầm non	2	60	15	45
	3	Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN	3	60	30	30
	4	Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm	2	45	23	22
	5	PPGD thể chất	2	60	15	45
	6	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	60	15	45
	7	Vệ sinh, dinh dưỡng	2	45	23	22

	8	PP khám phá khoa học và môi trường xung quanh	2	60	15	45
	9	Quản lý trong giáo dục mầm non	2	30	30	
		Tổng số:	19	450	196	254
VI	1	Đánh giá trong giáo dục mầm non	2	30	30	
	2	Tiếng Việt thực hành	2	45	15	30
	3	HP tự chọn phần kiến thức nghiệp vụ sư phạm (2)	3	75	15	60
	4	Thực tập cuối khóa (8 tuần)	5	300		300
	5	Thi tốt nghiệp/Khóa luận tốt nghiệp	9			
		Tổng số:	21	450	60	390
Tổng toàn khóa:			102	2392	848	1544

5.3. Mô tả nội dung các học phần

5.3.1/ Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin

Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.3.2/ Tư tưởng Hồ Chí Minh

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin.

- Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.3.3/ Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh

- Nội dung ban hành kèm theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGD-ĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

5.3.4/ Quản lý hành chính Nhà nước và quản lý ngành

Học phần trang bị cho sinh viên sư phạm những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành. Nội dung ban hành tại Quyết định số 33/2002/QĐ-BGD&ĐT ngày 22/7/2002 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

5.3.5/ Pháp luật đại cương

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Hiến pháp, pháp luật, giới thiệu một số luật cơ bản nhằm giáo dục ý thức pháp luật, đồng thời hình thành cho

sinh viên ý thức công dân. Không ngừng hoàn thiện mình trong quá trình học tập, phấn đấu, rèn luyện, có thái độ đúng đắn trong thực hiện pháp luật thuộc lĩnh vực học tập và công tác.

5.3.6/ Tiếng Anh

- Điều kiện tiên quyết: Không.

- Nội dung môn học gồm hai học phần (Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2). Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngữ pháp (To, be, have got, can, Therebe, present simple tense; present continuous tense, past simple tense, going to, Comparatives, present perfect tense), ngoài ra cung cấp về vốn từ vựng, ngữ âm và phát triển các kỹ năng: nghe, nói, đọc, viết giúp sinh viên sau khi kết thúc chương trình có kiến thức cơ bản về môn tiếng Anh và có kỹ năng giao tiếp trong các tình huống thông dụng.

5.3.7/ Giáo dục thể chất

Giáo dục thể chất 1: Khiêu vũ thể thao

Học phần giúp sinh viên có kiến thức cơ bản về các điệu nhảy khiêu vũ thể thao; thực hiện mức cơ bản đúng kỹ thuật các bài giao tiếp, bài có cấp độ khó vừa và bài quy định của liên đoàn. Trên cơ sở kiến thức thu được, giúp sinh viên nâng cao sức khỏe phục vụ cho việc học tập và công tác tốt sau này.

Giáo dục thể chất 2: Bơi

Học phần này cung cấp hiểu biết về lịch sử phát triển môn bơi; Biết được mục đích, ý nghĩa, tác dụng và yêu cầu trong quá trình tập luyện môn bơi; Thực hiện được kỹ thuật bơi ếch: Kỹ thuật động tác chân, kỹ thuật động tác tay, kỹ thuật phối hợp tay và chân, kỹ thuật phối hợp tay chân kết hợp với thở, kỹ thuật đứng nước; Phát triển các tố chất thể lực mạnh, nhanh, dẻo, bền và năng lực phối hợp vận động; Góp phần bồi dưỡng ý chí, phẩm chất đạo đức và nâng cao sức khỏe cho sinh viên.

Giáo dục thể chất 3: Bóng chuyền

Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng và phương thức tập luyện cơ bản của môn thể thao bóng chuyền; Thực hiện được kỹ thuật chuyền bóng, đệm bóng và phát bóng. Hình thành cho sinh viên thói quen tập luyện và tổ chức cho mọi người tham gia tập luyện nhằm rèn luyện thói quen tự tập luyện để nâng cao sức khỏe phục vụ việc học tập và công tác sau này.

5.3.8/ Giáo dục quốc phòng

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số 05/2020/TT-BGDĐT ngày 18/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục quốc phòng - an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở GD đại học.

5.3.9/ Tin học

- Điều kiện tiên quyết: không.

Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản nhất về công nghệ thông tin. Thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính Microsoft Excel, trình chiếu bằng Microsoft Powerpoint.

5.3.10. Tâm lý học đại cương

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Cung cấp những nội dung cơ bản khái quát về Tâm lý học đại cương như: sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức, hoạt động nhận thức, tình cảm và ý chí, trí nhớ,

sự hình thành phát triển nhân cách con người. Bước đầu hình thành kỹ năng nghiên cứu tâm lý người.

5.3.11/ Giáo dục học và Giáo dục học mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Giáo dục học: Cung cấp một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, đại cương về Giáo dục học: các khái niệm, các phạm trù, các nguyên tắc và phương pháp cơ bản của giáo dục học, làm cơ sở cho việc tiếp thu các học phần hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm.

- Giáo dục học mầm non: Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của giáo dục học mầm non (GDHMMN); Giáo dục và phát triển; Mục đích và nhiệm vụ của GDHMMN; Chương trình GDMN. Bản chất, nội dung, nguyên tắc, hình thức, phương pháp và các điều kiện giáo dục trẻ lứa tuổi nhà trẻ và lứa tuổi mẫu giáo; Giáo dục trong hoạt động; Các dạng hoạt động cơ bản của trẻ mầm non: Hoạt động vui chơi, hoạt động học - nhận thức, lao động, hoạt động nghệ thuật, giao tiếp; Phương pháp tổ chức các hoạt động của trẻ. Tổ chức cuộc sống của trẻ trong các cơ sở GDMN; Nội dung và hình thức phối hợp giữa nhà trường và gia đình; Tính kế thừa của GDMN và giáo dục tiểu học.

5.3.12/ Sự học và phát triển tâm lý trẻ em lứa tuổi mầm non

Những vấn đề chung của tâm lý học trẻ em. Các học thuyết về sự phát triển tâm lý và sự học của trẻ em lứa tuổi mầm non. Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em từ bào thai đến 6 tuổi. Một số nội dung cơ bản về tâm lý học dạy học và giáo dục mầm non. Phương pháp nghiên cứu, đánh giá sự phát triển tâm lý trẻ em.

5.3.13/ Mỹ thuật

Những đề chung về hoạt động tạo hình ở trường mầm non; kiến thức và kỹ năng về vẽ theo mẫu, vẽ tranh, nặn, cắt xé dán; trang trí trường, lớp trong trường mầm non.

5.3.14/ Âm nhạc và múa

Hiểu nhạc lí cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc. Hiểu các kí hiệu thông dụng trong bài hát, bản nhạc.

Độc nhạc: một số bản nhạc giọng trưởng và thứ từ 3 dấu hóa trở lại.

Hát: một số bài hát trong chương trình giáo dục mầm non.

Múa cơ bản: Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; Một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản.

5.3.15/ Nghề Giáo viên mầm non

- Hoạt động sư phạm của GVMN: Đối tượng hoạt động sư phạm của GVMN. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề GVMN. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN. Khó khăn và tình huống sư phạm và trong công tác của GVMN.

- Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề GVMN: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của GVMN. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề GVMN.

5.3.16. Phương pháp nghiên cứu khoa học

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Nội dung: Cung cấp những kiến thức cơ bản về khoa học và nghiên cứu khoa học; bản chất của nghiên cứu khoa học cũng như cấu trúc logic của công trình khoa học. Đồng

thời, học phân giúp sinh viên nắm vững các thao tác nghiên cứu khoa học, biết xây dựng, chứng minh và trình bày các luận điểm khoa học. Qua đó, sinh viên có thể nắm vững phương pháp trình bày báo cáo khoa học, viết được công trình khoa học và bước đầu biết vận dụng kỹ năng nghiên cứu khoa học vào việc học tập.

- Cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng, cách tiến hành nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu khoa học sự phạm ứng dụng.

5.3.17. Giáo dục môi trường cho trẻ mầm non

Cung cấp những kiến thức sơ đẳng, cơ bản về môi trường phù hợp với khả năng nhận thức của trẻ, nhằm tạo ra thái độ và hành vi đúng của trẻ đối với môi trường xung quanh.

5.3.18/ Tiếng việt thực hành

- Điều kiện tiên quyết: không.

- Học phân nhằm phát triển những kỹ năng sử dụng tiếng Việt cho sinh viên gồm: Kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản; rèn luyện kỹ năng dùng từ, đặt câu và kỹ năng về chính tả.

5.3.19. Giao tiếp sự phạm mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

- Nội dung: Khái niệm, đặc trưng của giao tiếp, giao tiếp sự phạm trong tâm lý học; Giao tiếp sự phạm và sự phát triển nhân cách của trẻ. Các hình thức giao tiếp sự phạm; Các giai đoạn trong quá trình giao tiếp sự phạm; Các nguyên tắc của quá trình giao tiếp sự phạm; Phong cách và các kỹ năng giao tiếp sự phạm.

5.3.20/ Giáo dục gia đình

- Trẻ em và Công ước về quyền trẻ em.

- Những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình hiện nay: Gia đình - chủ thể của các tương tác sự phạm và môi trường văn hóa - xã hội đối với sự phát triển của trẻ; vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, những định hướng và yêu cầu của xã hội đối với ngành học, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

5.3.21/ Giáo dục hòa nhập

- Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

- Các hình thức tổ chức GDHN; Các nguyên tắc GDHN; Chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; Giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

5.3.22/ Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non

Khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; Đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ cơ, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết và sinh dục).

5.3.23/ Vệ sinh - Dinh dưỡng

- Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: Vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở người; ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương

về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở GDMN. Yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ).

- Dinh dưỡng học: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

5.3.24/ Chương trình, phát triển và tổ chức thực hiện chương trình GDMN

- Giới thiệu chương trình GDMN (cách tiếp cận, nguyên tắc, hình thức thiết kế và các bước phát triển); Phân tích chương trình GDMN. Các điều kiện thực hiện chương trình (yếu tố con người, cơ chế quản lý và tổ chức thực hiện, cơ sở vật chất). Lập kế hoạch tổ chức thực hiện.

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tích hợp theo chủ đề. Xây dựng môi trường giáo dục và đánh giá việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

5.3.25/ Tổ chức hoạt động vui chơi

- Những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em: Khái niệm hoạt động vui chơi. Các loại trò chơi của trẻ em. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: Trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

- Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động vui chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt động vui chơi của trẻ ở trường mầm non.

5.3.26/ Tổ chức hoạt động tạo hình

- Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa của hoạt động tạo hình với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non; giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình; nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: Vẽ, nặn, cắt dán, lắp ghép.

- Tổ chức hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sáng tạo thẩm mỹ của trẻ.

5.3.27/ Tổ chức hoạt động âm nhạc

- Ý nghĩa của âm nhạc đối với trẻ. Đặc điểm cảm thụ và năng lực âm nhạc, múa của lứa tuổi mầm non. Vị trí của hoạt động âm nhạc trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp dạy trẻ hoạt động ca hát và nghe nhạc trong trường mầm non.

- Hình thức và các thể loại tổ chức hoạt động âm nhạc của trẻ mầm non: Ca hát, nghe nhạc, vận động theo nhạc, trò chơi âm nhạc.

5.3.28/ Phương pháp phát triển ngôn ngữ

- Ý nghĩa của việc phát triển ngôn ngữ và giao tiếp; Đặc điểm phát triển ngôn ngữ của trẻ em.

- Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở GDMN: Rèn luyện nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN.

5.3.29/ Phương pháp làm quen với văn học

Học phần cung cấp kiến thức về: Đặc điểm, vai trò của văn học đối với sự phát triển của trẻ thơ; Các phương pháp cho trẻ làm quen với thơ, truyện: Nghệ thuật đọc và kể chuyện diễn cảm, sử dụng các phương tiện trực quan, giảng giải, đàm thoại; Các hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện; Lập kế hoạch; tổ chức hoạt động; quan sát; đánh giá hoạt động cho trẻ làm quen với thơ, truyện; Sử dụng thơ, truyện trong tổ chức hoạt động giáo dục tích hợp ở trường mầm non.

5.3.30/ Phương pháp làm quen với toán

- Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành các biểu tượng toán cho trẻ trong GDMN.

- Tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán: Tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian và thời gian (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá).

5.3.31/ Phương pháp khám phá khoa học và môi trường xung quanh

- Những vấn đề lý luận cơ bản: Một số khái niệm (môi trường thiên nhiên, môi trường xã hội); Ý nghĩa của việc cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh; Đặc điểm nhận thức của trẻ về môi trường xung quanh; Cơ sở giáo dục học của việc khám phá khoa học và môi trường xung quanh (mục đích, nhiệm vụ, nguyên tắc, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện cho trẻ khám phá khoa học và môi trường xung quanh).

- Tổ chức khám phá khoa học và môi trường xung quanh, giáo dục tình cảm - xã hội, ý thức đối với môi trường cho trẻ ở trường mầm non: Môi trường thiên nhiên gần gũi (động vật, thực vật và hiện tượng thiên nhiên) và môi trường xã hội.

5.3.32/ Phương pháp giáo dục thể chất

- Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; Phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; Phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; Cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; Mối liên quan giữa phát triển các tổ chất tâm vận động và thói quen vận động.

- Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; Phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

5.3.33/ Phòng bệnh và đảm bảo an toàn

Phòng bệnh cho trẻ em: Các bệnh thường gặp ở trẻ em; sơ cứu ban đầu và cấp cứu khẩn cấp thường gặp; thuốc và cách sử dụng thuốc trong trường mầm non. Phòng tránh và xử lý một số tai nạn thường gặp ở trẻ nhỏ. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và giáo dục vệ sinh an toàn cho trẻ trong trường mầm non.

5.3.34/ Quản lý trong GDMN

- Các vấn đề cơ bản về quản lý giáo dục: Khái niệm, chức năng, các nguyên tắc, các phương pháp và quá trình quản lý giáo dục; các văn bản về quản lý giáo dục và GDMN.

- Quản lý GDMN: mục tiêu, nhiệm vụ, các yêu cầu đối với GDMN; nội dung, các biện pháp quản lý nhóm, lớp mầm non; xây dựng kế hoạch về công tác quản lý nhóm, lớp mầm non.

5.3.35/ Đánh giá trong GDMN

- Một số vấn đề chung về đánh giá trong GDMN: khái niệm, ý nghĩa, nguyên tắc, nội dung, hình thức, phương pháp và các kỹ thuật đánh giá (đánh giá các hoạt động nghề nghiệp của GVMN, chương trình GDMN và sự phát triển của trẻ dưới tác động của chương trình GDMN).

- Sử dụng các biện pháp và kỹ thuật đánh giá (quan sát, ghi lại và đánh giá sự học và phát triển của trẻ) nhằm mục đích thiết kế các hoạt động và môi trường giáo dục phù hợp với nhu cầu của từng trẻ, kể cả trẻ có nhu cầu đặc biệt, tạo sự phát triển toàn diện về thể lực, xã hội, tình cảm, thẩm mỹ và trí tuệ cho trẻ.

5.3.36/ Ứng dụng CNTT trong GD mầm non

- Điều kiện tiên quyết: Tin học cơ bản; các môn nghiệp vụ ngành

Cung cấp những kiến thức và kỹ năng nâng cao về ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học; thông qua thực hành, rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng: biên soạn tài liệu dạy học bằng Microsoft Word; thiết kế nội dung trình chiếu bằng một số tính năng nâng cao Microsoft PowerPoint; xử lý ảnh bằng phần mềm Paint; sử dụng một số phần mềm dạy học trực tuyến.

5.3.37/ Văn học thiếu nhi và đọc, kể diễn cảm

- Điều kiện tiên quyết: học sau các học phần PP phát triển ngôn ngữ; PP làm quen với văn học.

- Học phần có nhiệm vụ cung cấp các kiến thức, giá trị cơ bản của Văn học dân gian trong giáo dục trẻ thơ. Khái quát sự phát triển của văn học viết cho thiếu nhi qua các thời kỳ. Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu trong và ngoài nước viết cho thiếu nhi. Thực hành rèn luyện kỹ năng đọc, kể diễn cảm.

5.3.38/ Tiếng Anh cho trẻ mầm non

Làm quen với tiếng Anh giao tiếp cơ bản qua các chủ đề từ vựng quen thuộc nhất: chào hỏi, số đếm, gia đình, màu sắc, quần áo, rau củ quả, các hoạt động hàng ngày... Trẻ sẽ học từng từ đơn lẻ.

Học bảng chữ cái tiếng Anh, phát âm và nói những câu đơn giản về chào hỏi và giới thiệu tên, tuổi của mình như: Hello, Hi, Good morning, afternoon, evening, Goodbye, I love You...

5.3.39/ Múa và phương pháp dạy trẻ vận động theo âm nhạc

Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa; Một số kỹ năng múa các động tác dân gian cơ bản, múa phụ họa đơn giản cho bài hát...

5.3.40/ Nghệ thuật tạo hình và thiết kế đồ chơi cho trẻ

Cung cấp kiến thức khoa học cơ bản về ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật tạo hình; các quy tắc, hình thức xây dựng bố cục trang trí và bố cục tranh. Sinh viên vận

dụng các kỹ năng này vào làm đồ chơi, sinh viên biết làm đồ chơi, đồ dùng dạy học phục vụ công tác chăm sóc, giáo dục trẻ Mầm non.

5.3.41/ Phương pháp tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non dân tộc thiểu số

Chương trình giới thiệu người học về: Mục tiêu, nguyên tắc tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS; Nội dung và phương pháp tăng cường tiếng Việt; Hướng dẫn lập kế hoạch bài học, tổ chức các hoạt động, quan sát; đánh giá các hoạt động tăng cường tiếng Việt cho trẻ mầm non DTTS các độ tuổi ở lớp mẫu giáo đơn và lớp mẫu giáo ghép theo chủ đề.

5.3.42/ Kiến tập sư phạm

Tham quan, kiến tập các cơ sở GDMN. Bước đầu tìm hiểu chức năng, nhiệm vụ của GDMN, hệ thống tổ chức, loại hình trường, lớp mầm non; hình thành nhận thức ban đầu về tiếp cận tích hợp của chương trình GDMN. Tham gia các buổi thảo luận, xêmina, thực hiện các bài tập về quan sát và đánh giá sự phát triển của trẻ.

5.3.43/ Thực tập sư phạm:

- Sinh viên tham gia vào các hoạt động sau: Quan sát, tổ chức các hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ; Quản lý, điều kiện nhóm trẻ; Làm việc với cha mẹ và cộng đồng; Thiết kế môi trường giáo dục. Tham gia thảo luận, xêmina, làm các bài tập thực hành theo chương trình.

- Tham gia các hệ thống rèn luyện những kỹ năng sau: Chăm sóc, giáo dục, quản lý và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục trong trường, lớp mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện thực tiễn của cơ sở thực hành theo hướng tích hợp. Tiếp cận, xử lý và vận dụng linh hoạt những thông tin khoa học mới của ngành học vào hoạt động thực tiễn của GDMN; sử dụng các phương tiện phục vụ cho hoạt động chăm sóc – giáo dục trẻ.

5.3.44/ Thực tập cuối khóa

Sinh viên thực hành như một GVMN tham gia vào tất cả các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ ở trường mầm non; thiết kế và thực hiện chương trình; trên cơ sở khai thác các nguồn lực một cách hợp lý. Tiếp tục rèn luyện và thể hiện kỹ năng giao tiếp với trẻ, phụ huynh, đồng nghiệp và cộng đồng; rèn luyện và thể hiện một cách có hiệu quả các kỹ năng tổ chức và quản lý nhóm lớp; rèn luyện kỹ năng đánh giá và điều chỉnh các hoạt động giáo dục trẻ.

6. Vị trí việc làm của người học sau tốt nghiệp

Dạy học và chăm sóc trẻ, quản lý tại các cơ sở giáo dục mầm non.

Chuyên viên các tổ chức với các đối tượng hoạt động là trẻ mầm non và phát triển giáo dục mầm non.

7. Khả năng học tập, nâng cao trình độ của người học sau tốt nghiệp

Có thể học tập và nâng cao trình độ ở bậc đại học chuyên ngành giáo dục mầm non.

8. Các chương trình tham khảo

Chương trình đào tạo cử nhân GDMN của trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Chương trình đào tạo cao đẳng GDMN của trường Cao đẳng Sư phạm Trung Ương./.